

## TƯƠNG TÁC GIỮA NGỮ ĐIỆU VÀ THANH ĐIỆU TRONG CÁC TÁC TỬ DIỄN NGÔN TRONG TIẾNG VIỆT MIỀN NAM

Nhận bài:

15 – 04 – 2020

Chấp nhận đăng:

10 – 09 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Phạm Thị Thu Hà<sup>a</sup>, Marc Brunelle<sup>b</sup>, Hoàng Dũng<sup>a</sup>

**Tóm tắt:** Với ngữ liệu là các cuộc đối thoại trong lúc chơi trò chơi, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đi tìm bằng chứng về sự tồn tại của ngữ điệu như một phạm trù ngữ pháp cũng như sự tương tác giữa ngữ điệu và thanh điệu trong các tác tử diễn ngôn (TTDN) một âm tiết trong tiếng Việt ở miền Nam. Kết quả cho thấy có rất ít bằng chứng về các thanh định biên trong trường hợp của các TTDN trong tiếng Việt ở miền Nam. Kết quả này góp thêm bằng chứng để củng cố nhận định mà nhóm Marc Brunelle (2012) đã nêu: ngữ điệu trong tiếng Việt không được ngữ pháp hóa như trong các ngôn ngữ không có thanh điệu.

**Từ khóa:** tiếng Việt miền Nam; tác tử diễn ngôn; tương tác ngữ điệu - thanh điệu.

### 1. Giới thiệu

Trong mấy thập kỉ trở lại đây, ngôn ngữ học thế giới đã và đang quan tâm nhiều hơn đến các hiện tượng ngôn điệu (prosody) nói chung và ngữ điệu (intonation) nói riêng. Ở các ngôn ngữ không có thanh điệu (lexical tone) như tiếng Anh, tiếng Hàn..., các mô hình lý thuyết đã được áp dụng tỏ ra rất hiệu quả trong việc khái quát hóa các dạng thức ngữ điệu. Tuy nhiên, đối với các ngôn ngữ có thanh điệu như tiếng Việt, tiếng Hán..., vấn đề trở nên phức tạp hơn rất nhiều khi cùng một đặc trưng ngữ âm học có thể được sử dụng đồng thời cho cả thanh điệu và ngữ điệu.

Đi vào trường hợp cụ thể là ngữ điệu trong tiếng Việt:

Với tiếng Việt ở miền Bắc: Hoàng Cao Cương (1985) nhận định: “phần đầu của thanh cá thể chủ yếu là mang thông tin về ngữ điệu còn phần sau của thanh thì chủ yếu là mang thông tin về chính cá thể thanh điệu trong ngữ lưu” (Hoàng, 1985, 41) và “áp lực của ngữ điệu lên thanh điệu là mạnh ở vị trí đầu câu và yếu dần ở vị trí cuối câu” (Hoàng, 1985, 45). Tuy nhiên, Hạ Kiều Phương [Kieu-Phuong Ha] (2012) lại có ý kiến

ngược lại, cho rằng: giai điệu/tuyến điệu (melody) ở cuối phát ngôn có thể được phân tích như là một sự kết hợp của thanh điệu của âm tiết cuối và một thanh định biên (boundary or intonational tone) để thể hiện các chức năng giao tiếp. Trong nghiên cứu về các phát ngôn nói chữa (repair), Hạ Kiều Phương và Martine Grice (2017) còn chỉ ra rằng: ngữ điệu có thể chồng lên (overlap) một phần, cụ thể là ở nửa sau của âm tiết, hoặc chồng lên toàn bộ thanh điệu của âm tiết. Ngoài ra, khảo sát trên cứ liệu là các câu đọc dài 4 âm tiết (là các câu trần thuật bình thường, câu hỏi bình thường, câu trần thuật bị đánh dấu và câu hỏi bị đánh dấu), nhóm Marc Brunelle (2012) chỉ ra rằng: (i) chức năng giao tiếp có thể có những ảnh hưởng “đáng kinh ngạc” đến đường nét f0 của từng thanh điệu nhưng không tác động nhiều đến sự đối lập giữa các thanh điệu đó; (ii) chức năng giao tiếp có mức ảnh hưởng (đến độ cao f0 (f0 height) và cường độ) nhiều ít khác nhau đối với các thanh điệu cụ thể, tuy nhiên những ảnh hưởng này đều không rõ rệt.

Với tiếng Việt ở miền Nam: Marc Brunelle (2016) nhận xét: ngữ điệu không làm ảnh hưởng đến các nét khu biệt của thanh điệu và ngữ điệu hiện diện ở những nơi mà vai trò của thanh điệu trở nên mờ nhạt, chẳng hạn như trong các phát ngôn đánh dấu diễn ngôn.

Trong phạm vi của nghiên cứu này, tiếp nối ý tưởng của Marc Brunelle (2016), chúng tôi tập trung vào các

<sup>a</sup>Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

<sup>b</sup>Đại học Ottawa, Canada

\* Tác giả liên hệ

Hoàng Dũng

Email: [dunghoang07@gmail.com](mailto:dunghoang07@gmail.com)

phát ngôn đơn âm tiết với chức năng đánh dấu diễn ngôn (discourse marker) trong tiếng Việt ở miền Nam, tạm gọi là các tác tử diễn ngôn (TTDN). Chúng tôi lựa chọn khảo sát trên đối tượng là các TTDN một âm tiết bởi vì:

Các TTDN một âm tiết, xét về khía cạnh từ loại, đó thường là các hư từ mà thanh điệu của chúng (có thể dễ dàng dự đoán được) thường tập trung ở một số thanh cụ thể như thanh huyền (“ừ, ờ, rồi, gì”), thanh ngang (“không, chưa”), thanh hỏi (“há, ủa”). Các TTDN mang năng lực chức năng dụng học, lúc này gánh nặng khu biệt nghĩa từ vựng của thanh điệu trở nên mờ nhạt. Đây chính là cơ hội để tìm hiểu một “hình ảnh thực nghiệm” rõ nét hơn về ngữ điệu.

Mỗi âm tiết trong tiếng Việt mang một thanh điệu riêng, nhưng khi âm tiết xuất hiện trong ngữ lưu, thanh điệu của âm tiết này không tránh khỏi ảnh hưởng/tương tác qua lại với thanh điệu của các âm tiết xuất hiện trước và sau nó. Việc lựa chọn các TTDN một âm tiết nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng giữa thanh điệu với thanh điệu để từ đó có cái nhìn rõ hơn về tương tác giữa thanh điệu với ngữ điệu.

Mục đích của nghiên cứu này là tìm kiếm bằng chứng về sự hiện diện của ngữ điệu như một phạm trù ngữ pháp cũng như sự tương tác giữa ngữ điệu và thanh điệu trong các TTDN trong tiếng Việt ở miền Nam.

## 2. Phương pháp và tư liệu nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát các thông số âm học của các TTDN trích xuất từ các cuộc đối thoại giữa từng cặp cộng tác viên (CTV) được tiến hành đồng thời trong lúc họ thực hiện trò chơi chỉ đường. CTV gồm 20 người (10 nam và 10 nữ) tuổi từ 22 đến 32, sinh ra và lớn lên tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. 20 CTV chia thành 10 cặp. Mỗi CTV được ghi âm trên một kênh riêng biệt tại một phòng thu âm. Trung bình, mỗi cặp CTV cung cấp một đoạn đối thoại dài khoảng 45 phút.

Các TTDN được phân thành 5 nhóm:

- Nhóm “báo hiệu”: TTDN được sử dụng khi CTV muốn báo hiệu rằng mình nghe không rõ và mong muốn bạn thoại nhắc lại hoặc giải thích rõ hơn về nội dung thông tin mà người đó vừa cung cấp. Ví dụ:

○ F6: *Xong rồi lại đi lên phía trên! Đi lên phía trên mà kiểu... chèn vào giữa cái khu qua đường với cái vật cản ở trên á.*

○ F5: *Hả?*

○ F6: *Vẽ một cái đường giữa hai cái đó vậy đó.*

- Nhóm “đáp”: TTDN được sử dụng khi CTV muốn cung cấp một câu trả lời ngắn gọn cho câu hỏi “có/không” của bạn thoại. Ví dụ:

○ F6: *Xong chưa?*

○ F5: *Rồi.*

- Nhóm “nhận”: TTDN được sử dụng khi CTV muốn thể hiện rằng mình đã tiếp nhận được thông tin, vẫn đang lắng nghe và bạn thoại có thể tiếp tục lượt thoại của mình. Ví dụ:

○ F6: *Vậy từ ngôi làng...*

○ F5: *Ừ.*

○ F6: *[Vậy từ ngôi làng...] Vẽ một đường vòng xuống bên dưới cái khu đi sẵn đó!*

- Nhóm “phủ định”: TTDN được sử dụng khi CTV muốn thể hiện sự không đồng tình với nội dung thông tin mà bạn thoại cung cấp. Ví dụ:

○ F12: *Vậy có thể nó có một cái ngôi làng nữa.*

○ M10: ***Không.** Bên anh có một ngôi làng thôi.*

- Nhóm “tiếp tục”: TTDN được sử dụng khi CTV muốn báo với bạn thoại rằng họ sẽ tiếp tục lượt thoại của mình. Ví dụ:

○ F6: *Tám xăng tí mét... **Rồi**... Cái điểm dừng đó...*

○ F5: *Rồi.*

○ F6: *[Cái điểm dừng đó...] Vẽ thẳng lên trên!*

Có thể thấy, một từ có thể mang các ý nghĩa ngữ dụng khác nhau khi từ đó xuất hiện trong các ngữ cảnh khác nhau. Chẳng hạn như “rồi” có thể là một câu trả lời cho câu hỏi “có/không” như ở nhóm “đáp”, hoặc một lời báo hiệu “tiếp tục” hoặc thể hiện một sự tiếp nhận thông tin.

Từ các đoạn hội thoại của 10 cặp CTV, chúng tôi trích xuất được 2224 TTDN một âm tiết. Các TTDN này phân bố không đồng đều xét về từ loại hay xét theo các nhóm thanh điệu và nhóm chức năng (xem Bảng 1 dưới đây). Cụ thể như sau:

- Các TTDN chủ yếu là hư từ (chiếm 96.07%).

Trong bài báo này, chúng tôi không khảo sát những TTDN là từ loại khác (ví dụ thực từ hoặc đại từ).

- Các TTDN chủ yếu mang thanh huyền (chiếm 89.03%) và tập trung ở nhóm “nhận” (chiếm 47.53%). Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung vào các TTDN xuất hiện từ 20 lần trở lên.

**Bảng 1.** Số lượng TTDN chia theo nhóm chức năng và nhóm thanh điệu

	Báo hiệu	Đáp	Nhận	Phủ định	Tiếp tục	Tổng
Hỏi-ngã (ví dụ “ùa”)	38	1	0	0	0	39
Huyền (ví dụ “rôi, ừ, ờ”)	33	394	1055	1	497	1980
Nặng	1	0	0	0	3	4
Ngang (ví dụ “không”)	31	70	1	54	4	160
Sắc (ví dụ “có”)	2	37	1	0	1	41
<i>Tổng</i>	105	502	1057	55	505	

Chúng tôi đã đo  $f_0$  (tần số cơ bản) tại 5 điểm chia đều trong phạm vi âm tiết của mỗi TTDN. (Chúng tôi lấy thêm  $f_0$  trung bình ( $\text{mean}f_0$ ) của âm tiết trong một số trường hợp cụ thể). Để giảm thiểu những khác biệt giữa các CTV (chẳng hạn như giọng nam có ngưỡng  $f_0$  thấp hơn giọng nữ) hay sự khác biệt của cùng một CTV trong các lượt thoại khác nhau, các giá trị  $f_0$  “thô” (raw  $f_0$ ) này được tiêu chuẩn hóa bằng công thức  $z_i = (x_i - \bar{x}_{\text{CTV}}) / s_{\text{CTV}}$ , với  $x_i$  là giá trị  $f_0$  “thô”,  $\bar{x}_{\text{CTV}}$  là giá trị trung bình và  $s_{\text{CTV}}$  là độ lệch chuẩn trên từng CTV. Tuy nhiên, giá trị  $f_0$  sau khi được tiêu chuẩn hóa ( $z(f_0)$ ) là giá trị khá trừu tượng và khó biểu diễn một cách trực quan, vì vậy, chúng tôi chuyển đổi các giá trị này ngược trở lại thành các giá trị theo đơn vị đo tần số thông thường là Hertz ( $rf_0$ ), bằng công thức  $r_i = \bar{x} + z_i s$ , với  $\bar{x}$  là giá trị trung bình của mẫu (sample mean) và  $s$  là độ lệch chuẩn của mẫu (sample standard deviation) trên tất cả các CTV.

Ngoài ra, chúng tôi tiến hành các phân tích hồi quy (một loại phân tích thống kê) đối với các TTDN mang thanh huyền và thanh ngang (vì hai nhóm này đáp ứng yêu cầu tối thiểu về số lượng để thống kê) nhằm mục đích xác định xem biến độc lập (loại TTDN) quy định biến phụ thuộc ( $rf_0$ ,  $r\text{mean}f_0$ ) như thế nào. Có hai điểm cần lưu ý ở đây là:

- Chương trình thống kê mà chúng tôi sử dụng hiện chưa có phiên bản tiếng Việt, nên các kết quả thống kê sẽ được hiển thị với các thuật ngữ bằng tiếng Anh. Mỗi bảng kết quả gồm hai phần: kết quả cho các biến ngẫu nhiên (Random effects) và cho các biến độc lập (Fixed effects) với các thông tin quan trọng gồm: độ lệch chuẩn (Std.Dev.) ở các biến ngẫu nhiên; trị  $p$  ( $\text{Pr}(>|t|)$ ) và giá trị ước lượng (Estimate) ở các biến cố định.

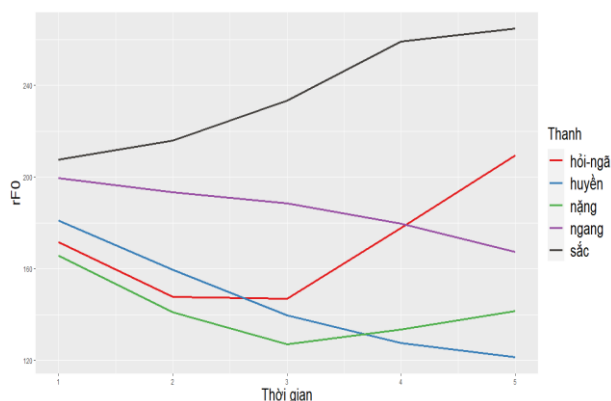
- Biến ngẫu nhiên được khảo sát trong các mô hình thống kê này chỉ gồm biến “âm tiết” (syllable, tức các âm tiết TTDN cụ thể) chứ không có biến “người nói”

(speaker, tức từng CTV cụ thể). Nguyên nhân là do ở một số CTV, có TTDN xuất hiện với số lần quá ít (dưới 5 lần) khiến cho mô hình không thể ước lượng được mức độ biến thiên cho TTDN này. Nói cách khác, chúng tôi đề ngỏ một khả năng về ảnh hưởng của yếu tố “người nói” đến những khác biệt về  $f_0$  của các TTDN.

Các thông số âm học được đo đạc với phần mềm Praat. Các phân tích thống kê và biểu diễn đồ thị được thực hiện với phần mềm R.

### 3. Hệ thống thanh điệu trong tiếng Việt ở miền Nam

Hệ thống thanh điệu trong tiếng Việt ở miền Nam bao gồm 7 thanh vị với 5 thanh xuất hiện trong các âm tiết mở và âm tiết kết thúc bằng phụ âm vang; 2 thanh (sắc nhập và nặng nhập) xuất hiện trong các âm tiết khép (âm tiết kết thúc với phụ âm tắc). Trong ngữ liệu về các TTDN của chúng tôi, không xuất các âm tiết khép, vì vậy chúng tôi sẽ không đề cập đến thanh sắc nhập và nặng nhập trong phạm vi của bài báo này.

**Hình 1.** Hệ thống 5 thanh điệu trong tiếng Việt ở miền Nam

Các chỉ số  $rf_0$  trong sơ đồ trên là kết quả trung bình lấy trên 20 CTV. Trong tiếng Việt ở miền Nam, không có sự phân biệt giữa thanh hỏi và thanh ngã (như trong tiếng

Việt ở miền Bắc). Vì vậy chúng tôi gọi chung hai thanh này là thanh “hỏi-ngã”, theo cách gọi của Harvey M. Taylor (1962). Miêu tả (ngữ âm học) về diễn biến f0 của các thanh điệu trong tiếng Việt ở miền Nam như sau:

- Thanh “ngang” (màu tím): Đường nét f0 khá bằng phẳng (hơi đi xuống ở cuối). Diễn tiến f0 nằm ở dải f0 trung bình.

- Thanh “huyền” (màu xanh dương): Đường nét f0 đi xuống đều. Diễn tiến f0 nằm trong dải f0 thấp và có f0 cuối thấp nhất so với các thanh còn lại.

- Thanh “sắc” (màu đen): Đường nét f0 đi lên đều. Diễn tiến f0 nằm trong dải f0 cao và có f0 cuối cao nhất so với các thanh còn lại.

- Thanh “nặng” (màu xanh lá): Là thanh điệu có f0 khởi đầu thấp nhất so với các thanh còn lại, đường nét f0 đi xuống dần sau đó hơi đi lên ở cuối. Tuy nhiên, diễn tiến f0 vẫn nằm trọn vẹn trong dải f0 thấp.

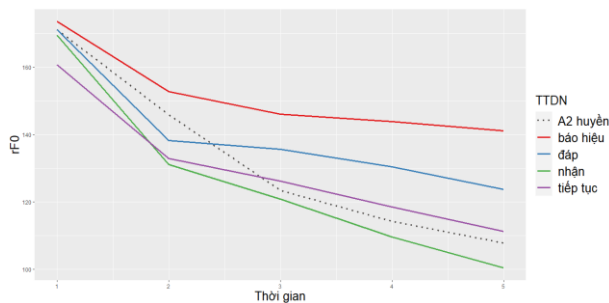
- Thanh “hỏi-ngã”: Là thanh điệu duy nhất có đường nét f0 phức tạp, tức diễn tiến theo hai chiều tạo thành một đoạn gãy ở giữa: nửa đầu thanh đi xuống nhẹ, ở dải f0 thấp; nửa sau thanh đi lên rõ nét và kết thúc ở dải f0 trung bình.

## 4. Kết quả

### 4.1. Đối với các TTDN mang cùng một thanh điệu nhưng khác chức năng

#### a. Trường hợp của thanh huyền

Hình 2 dưới đây thể hiện sự so sánh về diễn tiến f0 trong các TTDN mang thanh huyền xuất hiện với 4 chức năng khác nhau là “báo hiệu” (đường kẻ liền màu đỏ), “đáp” (đường kẻ liền màu xanh dương), “nhận” (đường kẻ liền màu xanh lá) và “tiếp tục” (đường kẻ liền màu tím), đối chiếu với một thanh huyền bình thường xuất hiện ở thực từ cuối phát ngôn (đường kẻ chấm màu đen).



Hình 2. Đường nét f0 của các TTDN mang thanh huyền

Bảng 2-1, 2-2, 2-3, 2-4, 2-5 dưới đây là kết quả phân tích hồi quy về sự khác biệt f0 tại 5 điểm trong các TTDN mang thanh huyền, đối chiếu với một thanh huyền bình thường xuất hiện ở thực từ cuối phát ngôn (intercept).

**Bảng 2-1. Khác biệt f0 tại điểm khởi đầu của các TTDN mang thanh huyền**

```
Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 464.7 21.56
Residual 2912.6 53.97
Number of obs: 3533, groups: syllable, 79

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 183.155 3.611 44.022 50.717 <2e-16 ***
TTDNbao_hieu 10.436 13.345 119.788 0.782 0.436
TTDNdap 5.013 10.400 39.766 0.482 0.632
TTDNnhan 6.918 10.194 36.569 0.679 0.502
TTDNtiếp_tuc 3.958 10.425 40.503 0.380 0.706
---
```

**Bảng 2-2. Khác biệt f0 tại điểm thứ hai của các TTDN mang thanh huyền**

```
Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 715.8 26.75
Residual 1904.8 43.64
Number of obs: 3444, groups: syllable, 79

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 175.123 3.979 58.517 44.017 <2e-16 ***
TTDNbao_hieu 13.296 13.278 107.207 1.001 0.319
TTDNdap -5.899 11.557 56.017 -0.510 0.612
TTDNnhan -10.536 11.435 53.739 -0.921 0.361
TTDNtiếp_tuc 2.399 11.558 56.579 0.208 0.836
---
```

**Bảng 2-3. Khác biệt f0 tại điểm thứ ba của các TTDN mang thanh huyền**

```
Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 385.2 19.63
Residual 1796.9 42.39
Number of obs: 3496, groups: syllable, 77

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 155.525 3.163 47.320 49.178 <2e-16 ***
TTDNbao_hieu 48.455 11.190 110.892 4.330 3.28e-05 ***
TTDNdap 23.892 9.103 44.084 2.624 0.011880 *
TTDNnhan 9.072 8.959 41.285 1.013 0.317173
TTDNtiếp_tuc 33.261 9.117 44.771 3.648 0.000686 ***
---
```

**Bảng 2-4.** Khác biệt f0 tại điểm thứ tư của các TTDN mang thanh huyền

Random effects:					
Groups	Name	Variance	Std.Dev.		
	syllable (Intercept)	544.3	23.33		
	Residual	1706.2	41.31		
Number of obs: 3476, groups: syllable, 78					
Fixed effects:					
	Estimate	Std. Error	df	t value	Pr(> t )
(Intercept)	154.792	3.546	38.398	43.652	< 2e-16 ***
TTDNbao_hieu	56.276	12.027	75.829	4.679	1.23e-05 ***
TTDNdap	27.469	10.283	36.726	2.671	0.01119 *
TTDNnhan	5.705	10.161	35.022	0.561	0.57806
TTDNtiiep_tuc	32.006	10.287	37.151	3.111	0.00357 **
---					
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1					

**Bảng 2-5.** Khác biệt f0 tại điểm cuối của các TTDN mang thanh huyền

Random effects:					
Groups	Name	Variance	Std.Dev.		
	syllable (Intercept)	627.1	25.04		
	Residual	1922.9	43.85		
Number of obs: 3533, groups: syllable, 79					
Fixed effects:					
	Estimate	Std. Error	df	t value	Pr(> t )
(Intercept)	155.868	3.783	35.431	41.206	< 2e-16 ***
TTDNbao_hieu	38.748	12.839	69.187	3.018	0.00356 **
TTDNdap	17.059	11.000	33.760	1.551	0.13026
TTDNnhan	-4.450	10.873	32.234	-0.409	0.68503
TTDNtiiep_tuc	16.792	11.005	34.156	1.526	0.13625
---					
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1					

Có thể thấy: f0 ở nửa đầu của âm tiết không có sự khác biệt đáng kể, các trị p đều lớn hơn 0.05 (xem các con số được khoanh vùng màu đỏ trong Bảng 2-1 và 2-2). Tuy nhiên, từ khoảng giữa âm tiết trở về cuối, f0 trong các TTDN có sự phân hóa khá rõ. Cụ thể hơn:

- Ở các TTDN “báo hiệu”, đường nét f0 có xu hướng đi lên và kết thúc cao hơn hẳn so với điểm kết thúc của một thanh huyền bình thường (từ 38 đến 56 Hz, các trị p đều nhỏ hơn 0.05).

- Ở các TTDN “đáp”, f0 ở đoạn giữa âm tiết cao hơn một thanh huyền bình thường (khoảng 23-27 Hz, các trị p đều nhỏ hơn 0.01) nhưng f0 cuối lại không có sự khác biệt rõ rệt (p = 0.13). Ở đây, vai trò khu biệt nghĩa từ vựng nổi bật hơn hẳn khi mà thanh huyền xuất hiện trong các từ thể hiện câu trả lời “có” (ví dụ như “Hiểu không?” - “Ừ” (nghĩa là “hiểu”); “Được chưa?” - “Rồi!...”) đối lập với thanh ngang cho câu trả lời

“không” (ví dụ như “Xong chưa?” - “Chưa”; “Được không?” - “Không”...).

- Ở các TTDN “nhận”, đường nét f0 không có sự khác biệt đáng kể so với một thanh huyền bình thường (các trị p đều lớn hơn 0.05).

- Ở các TTDN “tiếp tục”, tình hình tương tự với các TTDN “đáp”: f0 ở đoạn giữa âm tiết cao hơn một thanh huyền bình thường khoảng 32-33 Hz (các trị p đều nhỏ hơn 0.01) nhưng f0 cuối lại không có sự khác biệt rõ rệt (p = 0.13).

Nói tóm lại, sự khác biệt nổi bật nhất xuất hiện ở các TTDN mang chức năng “báo hiệu” với f0 cuối cao hơn hẳn so với một thanh huyền bình thường. Kết quả này có điểm tương đồng với nhận định của Hạ Kiều Phương và Martine Grice (2010) đối với các phát ngôn được sử dụng khi người nói muốn hỏi lại bạn thoại của mình về điều gì đó mà họ không hiểu hoặc nghe không rõ (repair initiations) trong tiếng Việt ở miền Bắc: có một thanh định biên cao (H%) ở cuối, đường nét cao độ đi lên bất luận thanh điệu của âm tiết là cao hay thấp (ví dụ: “Hà?”, “Gi?”, “Đà!”, “Ai?”, “Sao?”, “Oi!”).

## b. Trường hợp của thanh ngang

Tiếp tục khảo sát các TTDN mang thanh ngang thể hiện chức năng “đáp”, “báo hiệu” và “phủ định”. Thanh ngang vốn là thanh điệu có đường nét f0 đơn giản và ít biến động nhất so với các thanh điệu còn lại. Vì vậy, đối với các TTDN mang thanh này, chúng tôi đi thẳng vào phân tích hồi quy đối với các giá trị f0 trung bình (trên toàn âm tiết), f0 ở điểm đầu, giữa và cuối của âm tiết. Kết quả thống kê được thể hiện trong các bảng từ 3-1 đến 3-4 dưới đây.

**Bảng 3-1.** Khác biệt về f0 trung bình của các TTDN mang thanh ngang

Random effects:					
Groups	Name	Variance	Std.Dev.		
	syllable (Intercept)	188.9	13.74		
	Residual	1185.9	34.44		
Number of obs: 2368, groups: syllable, 132					
Fixed effects:					
	Estimate	Std. Error	df	t value	Pr(> t )
(Intercept)	178.408	1.833	67.522	97.356	< 2e-16 ***
TTDNbao_hieu	24.038	8.206	217.915	2.929	0.00376 **
TTDNdap	3.155	9.534	113.623	0.331	0.74130
TTDNphu_dinh	45.759	10.010	136.820	4.571	1.07e-05 ***
---					
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1					

**Bảng 3-2. Khác biệt f0 tại điểm đầu của các TTDN mang thanh ngang**

```

Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 523.1 22.87
Residual 3154.0 56.16
Number of obs: 2368, groups: syllable, 132

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 192.806 3.027 69.073 63.687 <2e-16 ***
TTDNbao_hieu 3.169 13.480 218.391 0.235 0.814
TTDNdap -9.298 15.703 118.130 -0.592 0.555
TTDNphu_dinh -8.804 16.473 141.906 -0.534 0.594
---
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1
    
```

**Bảng 3-3. Khác biệt f0 tại điểm giữa của các TTDN mang thanh ngang**

```

Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 371.3 19.27
Residual 2534.5 50.34
Number of obs: 2354, groups: syllable, 131

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 181.935 2.616 58.723 69.542 < 2e-16 ***
TTDNbao_hieu 59.077 11.825 199.159 4.996 1.28e-06 ***
TTDNdap 23.367 13.655 95.731 1.711 0.0903 .
TTDNphu_dinh 93.640 14.363 115.912 6.519 1.92e-09 ***
---
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1
    
```

**Bảng 3-4. Khác biệt f0 tại điểm cuối của các TTDN mang thanh ngang**

```

Random effects:
Groups Name Variance Std.Dev.
syllable (Intercept) 308.5 17.57
Residual 2490.8 49.91
Number of obs: 2368, groups: syllable, 132

Fixed effects:
Estimate Std. Error df t value Pr(>|t|)
(Intercept) 170.077 2.455 77.748 69.265 < 2e-16 ***
TTDNbao_hieu 9.282 11.402 282.584 0.814 0.416
TTDNdap 2.674 12.985 118.022 0.206 0.837
TTDNphu_dinh 59.505 13.711 143.638 4.340 2.67e-05 ***
---
Signif. codes: 0 '***' 0.001 '**' 0.01 '*' 0.05 '.' 0.1 ' ' 1
    
```

Có thể thấy:

- Thanh ngang trong các TTDN “báo hiệu” và “phủ định” có f0 trung bình cao hơn hẳn một thanh ngang bình thường từ 24 đến 45 Hz (với  $p = 0.003$  và  $p < 0.001$ ). Thanh ngang trong các TTDN “đáp” có f0 trung bình tương tự như một thanh ngang bình thường ( $p = 0.74$ ).

- Tương tự với tình hình ở các TTDN mang thanh huyền, ở các TTDN mang thanh ngang không có sự khác biệt về f0 ở đoạn đầu của âm tiết, các trị p đều lớn hơn 0.05 (xem các con số được khoanh vùng màu đỏ trong Bảng 3-2). Tuy nhiên, từ khoảng giữa âm tiết trở về cuối, f0 trong các TTDN có sự phân hóa rõ nét. Cụ thể hơn:

○ Ở các TTDN “báo hiệu”, đường nét f0 có xu hướng lên cao ở giữa âm tiết (khoảng 59 Hz,  $p < 0.01$ ) nhưng lại kết thúc gần giống với một thanh ngang bình thường ( $p = 0.4$ ).

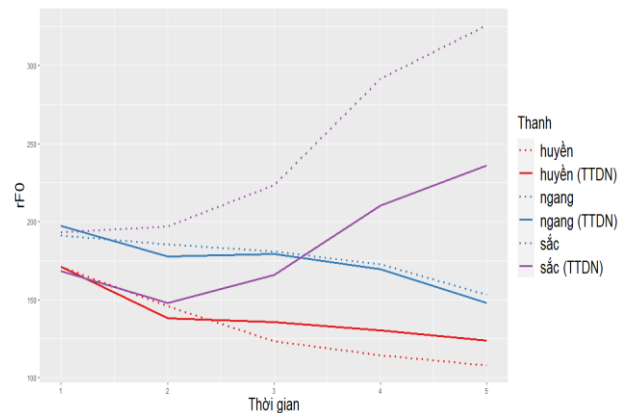
○ Ở các TTDN “phủ định”, f0 cao vọt lên từ giữa âm tiết (khoảng 93 Hz,  $p < 0.01$ ) và kết thúc cao hơn hẳn một thanh ngang bình thường (khoảng 59 Hz,  $p < 0.01$ ).

Nói chung, các kết quả thống kê trên đây cho thấy có một dải f0 cao xuất hiện trong các TTDN “báo hiệu” và “phủ định”, đồng thời một f0 cuối cao trong TTDN “phủ định”.

## 4.2. Đối với các TTDN mang cùng một chức năng nhưng khác thanh điệu

### a. Đối với các TTDN thể hiện lời “đáp”

Đi vào các TTDN “đáp” với 3 thanh điệu là ngang (ví dụ “không”), huyền (ví dụ “rời”) và sắc (ví dụ “có”). Hình 3 dưới đây thể hiện sự so sánh về diễn tiến f0 của các thanh này trong các TTDN (các đường kẻ liền) và trong thực từ cuối phát ngôn (các đường kẻ chấm).



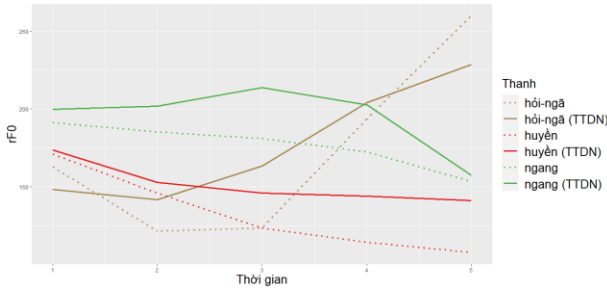
**Hình 3. Đường nét f0 của các TTDN mang chức năng “đáp”**

Hình 3 cho thấy không có sự khác biệt đáng kể đối với trường hợp của thanh ngang và thanh huyền. Ngoài ra, các miêu tả và phân tích cụ thể đối với hai thanh này đã được trình bày ở phần 4.1 ở trên. Vì vậy, ở đây chúng tôi đi sâu vào trường hợp của thanh sắc.

Đặc trưng điển hình của thanh sắc là dải f0 cao và góc nghiêng f0 (f0 slope) đi lên. Hình 3 cho thấy mặc dù dải f0 bị đẩy xuống thấp đáng kể nhưng góc nghiêng f0 đi lên vẫn được bảo toàn. Kết quả này có thể là gợi ý cho một dải f0 thấp thể hiện ngữ điệu “đáp”, ngữ điệu bao trùm lên toàn bộ thanh sắc nhưng không làm mất đi nét đặc trưng khu biệt của thanh điệu này.

**b. Đối với các TTDN thể hiện lời “báo hiệu”**

Hình 4 dưới đây là sự so sánh diễn tiến f0 trong các thanh ngang (ví dụ “a”), huyền (ví dụ “nè”) và hỏi-ngã (ví dụ “ùa”) trong các TTDN (các đường kẻ liền) với trong các thanh ngang, huyền và hỏi-ngã xuất hiện ở thực từ cuối phát ngôn trong ngữ lưu (các đường kẻ chấm).



**Hình 4.** Đường nét f0 của các TTDN mang chức năng “báo hiệu”

Có thể thấy, trong trường hợp của các TTDN mang thanh ngang và thanh huyền, ngữ điệu “báo hiệu” thể hiện khá rõ với việc đẩy dài f0 và f0 cuối lên cao. Các miêu tả và phân tích đối với hai trường hợp này đã được trình bày ở phần 4.1 ở trên. Vì vậy, ở đây chúng tôi đi sâu vào trường hợp của thanh hỏi-ngã (chỉ xuất hiện trong “ùa” và “hả”). Điểm thú vị ở đây chính là: đoạn gãy ở khoảng giữa âm tiết (điển hình cho thanh hỏi-ngã) gần như bị xóa mờ trong các TTDN. Thanh hỏi-ngã lúc này có đường nét gần giống với một thanh sắc bình thường.

Nói chung, có một khả năng cho một dài f0 cao thể hiện ngữ điệu “báo hiệu”. Tuy nhiên ngữ điệu này lại có những ảnh hưởng/tương tác khác nhau đối với từng thanh điệu cụ thể. Chẳng hạn như: dài f0 cao tác động rõ nét ở nửa sau của các âm tiết mang thanh ngang và thanh huyền nhưng lại tác động nổi bật ở đoạn giữa của các âm tiết mang thanh hỏi-ngã. Ngữ điệu này có thể làm mờ hoặc mất đi nét đặc trưng của các thanh điệu này (ví dụ thanh huyền mất đi f0 cuối thấp hay thanh hỏi-ngã mờ đi đoạn gãy giữa).

**5. Thảo luận và kết luận**

Nghiên cứu trên các TTDN một âm tiết trong tiếng Việt ở miền Nam của chúng tôi cho thấy (cần nhắc lại ở đây là do hạn chế về số liệu cho các mô hình phân tích hồi quy, chúng tôi để ngỏ khả năng về sự ảnh hưởng của yếu tố “người nói”:

- Về ngữ điệu:
    - o Ngữ điệu không được bộc lộ rõ nét trong tất cả các hoàn cảnh: ngữ điệu bộc lộ rõ nét ở các TTDN “báo hiệu”, “phủ định” và “đáp” nhưng không hề rõ ràng ở các TTDN “nhận” hay “tiếp tục.”
    - o Ngữ điệu được thể hiện thông qua đặc điểm về dài f0 và f0 cuối:
      - Dài f0 cao và/hoặc f0 cuối cao thể hiện ngữ điệu “báo hiệu”, “phủ định” (ngữ điệu bị đánh dấu).
      - Dài f0 thấp thể hiện ngữ điệu “đáp” (ngữ điệu không bị đánh dấu).
    - Về tương tác giữa ngữ điệu và thanh điệu: ngữ điệu có những tương tác khác nhau đối với từng thanh điệu cụ thể. Chẳng hạn như:
      - o Ngữ điệu “báo hiệu” và “phủ định” (ngữ điệu bị đánh dấu) tác động mạnh mẽ ở nửa sau của thanh ngang và thanh huyền. Nó có thể đẩy độ cao trung bình của hai thanh điệu này lên; hoặc khiến thanh huyền kết thúc với f0 cuối cao hơn hẳn bình thường. Trong khi đó, ngữ điệu này lại chỉ ảnh hưởng đến đoạn giữa của thanh hỏi-ngã, khiến cho nét gãy giữa của thanh điệu này bị mờ hoặc mất đi.
      - o Ngữ điệu “đáp” (ngữ điệu không bị đánh dấu) bao phủ lên toàn bộ thanh sắc, khiến cho dài f0 cao của thanh điệu này bị kéo xuống thấp trong khi vẫn bảo lưu góc nghiêng f0 đi lên cho thanh điệu.
- Nói chung, ngữ điệu trong các TTDN trong tiếng Việt ở miền Nam hiện diện qua những khác biệt về dài f0 và/hoặc f0 cuối chứ không phải là một đường nét diễn tiến f0 cụ thể. Ngữ điệu tồn tại đồng thời và tương tác với thanh điệu nhưng tương tác không theo một mô hình cố định nào đối với tất cả các thanh điệu. Chúng tôi không tìm thấy bằng chứng thực nghiệm nào để đồng ý với nhận định của Hoàng Cao Cương (1985) cho rằng ngữ điệu hiện diện ở phần đầu của thanh điệu. Ngược lại, chúng tôi tìm thấy bằng chứng cho thấy ngữ điệu ảnh hưởng lên nửa sau hoặc bao trùm lên toàn bộ thanh điệu (tùy vào từng trường hợp cụ thể). Nhận định này nhất quán với kết luận của nhóm Marc Brunelle (2012), Hạ Kiều Phương và Martine Grice (2017) đối với tiếng Việt ở miền Bắc. Còn với câu hỏi ngữ điệu có làm mất đi nét khu biệt của thanh điệu hay không thì cần phải có thêm những nghiên cứu từ góc độ tiếp nhận của người bản ngữ để trả lời.

Hạ Kiều Phương và Martine Grice (2017) cho rằng và ngữ điệu trong tiếng Việt có thể được biểu diễn bằng các đơn vị phân lập (tức thanh định biên H% và L%). Tuy nhiên, chúng tôi mới chỉ tìm thấy “dấu hiệu” của một thanh định biên cao (như f0 cuối cao) trong ngữ điệu “báo hiệu” ở trường hợp của các TTDN mang thanh huyền và trong ngữ điệu “phủ định” ở trường hợp của các TTDN mang thanh ngang. Nói cách khác, chúng tôi chưa có đủ bằng chứng để mô hình hóa ngữ điệu trong tiếng Việt miền Nam bằng các thanh định biên như trong trường hợp tương tự của tiếng Việt ở miền Bắc.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã phần nào góp thêm bằng chứng để củng cố nhận định mà nhóm Marc Brunelle (2012) đã nêu: ngữ điệu trong tiếng Việt không được ngữ pháp hóa như trong các ngôn ngữ không có thanh điệu. Dải f0 cao mà chúng tôi tìm thấy trong các ngữ điệu bị đánh dấu có thể được giải thích bằng lý thuyết “mã nỗ lực” (effort code) của Gussenhoven (2004) về một sự liên kết tự nhiên giữa nỗ lực của hoạt động phát âm (vocal effort) với các chức năng giao tiếp bị đánh dấu: trong những hoàn cảnh giao tiếp này, dây thanh bị căng hơn (do tăng áp lực không khí dưới thanh hầu) khiến âm thanh được phát ra ở tần số cao hơn.

## Tài liệu tham khảo

- Brunelle, M., Hạ, K. P., & Grice, M. (2012). Intonation in Northern Vietnamese. *The Linguistic Review*, 29, 3-36.
- Brunelle, M. (2016). Intonational phrase marking in Southern Vietnamese. *Tonal Aspects of Languages*, 60-64.
- Gussenhoven, C. (2004). *The Phonology of Tone and Intonation*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Hoàng, C. C. (1985b). Bước đầu nhận xét về đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt trên cứ liệu thực nghiệm. *Ngôn Ngữ*, 3, 40-48.
- Hạ, K. P. & Grice, M. (2010). Modelling the interaction of intonation and lexical tone in Vietnamese. *Speech Prosody 2010*, 5th International Conference, Chicago.
- Hạ, K. P. (2012). *Prosody in Vietnamese: Intonational Form and Function of Short Utterances in Conversation*. Canberra: The Australian National University.
- Hạ, K. P. & Grice, M. (2017). Tone and intonation in discourse management - How do speakers of Standard Vietnamese initiate a repair?. *Journal of Pragmatics*, 107, 60-83.
- Taylor, H. M. (1962). A phonetic description of the tones of the Hue dialect of Vietnamese. *Văn hóa nguyệt san*, 74, 1175-1180.

## INTERACTION BETWEEN INTONATION AND LEXICAL TONE IN SOUTHERN VIETNAMESE DISCOURSE MARKERS

Phạm Thị Thu Hà<sup>a</sup>, Marc Brunelle<sup>b</sup>, Hoàng Dũng<sup>a</sup>

<sup>a</sup>Ho Chi Minh City University of Education

<sup>b</sup>University of Ottawa, Canada

**Abstract:** This study, based on Southern Vietnamese (SVN) task-oriented dialogues, aims to find evidences of the present of intonation as a grammatical category, as well as the interaction between intonation and lexical tone in monosyllable discourse utterances (discourse markers). The results show that there is little evidence for phonologized boundary tones in SVN discourse markers. This finding would strengthen the claim made by Brunelle et al. (2012) (focusing on Northern Vietnamese) that Vietnamese intonation may not be grammaticalized as it could be in non-tonal languages.

**Key words:** Southern Vietnamese; discourse marker; lexical tonal - intonational interaction.